

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh
(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

10
NG
PH
PE
AT
XANH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0303104343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh tại Lầu 16, Tòa nhà Center Building, Số 1, Đường Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	
Ông Lương Trí Thảo	Thành viên	
Ông Bùi Ngọc Đức	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Linh	Thành viên	từ nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Bang	Trưởng Ban
Bà Trịnh Thị Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Vy Liêm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Trí Thìn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Luận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thùy Trang	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lương Trí Thìn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đề ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Lương Trí Thìn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số tham chiếu: 61281235/20264248/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh) ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 10 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.052.312.608.020	5.143.040.477.049
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	337.139.017.403	1.479.121.518.213
111	1. Tiền		187.139.017.403	280.121.518.213
112	2. Các khoản tương đương tiền		150.000.000.000	1.199.000.000.000
120	II. Đầu tư ngắn hạn		57.950.000.000	66.600.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	57.950.000.000	66.600.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.463.887.511.253	1.526.904.292.052
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	225.795.345.251	242.495.988.959
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	140.532.215.707	106.188.159.971
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	38.825.565.158	34.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.068.807.064.237	1.153.492.822.222
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(10.072.679.100)	(10.072.679.100)
140	IV. Hàng tồn kho	11	2.179.643.506.673	2.059.600.881.724
141	1. Hàng tồn kho		2.179.643.506.673	2.059.600.881.724
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.692.572.691	10.813.785.060
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5.154.012.074	6.334.841.120
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		8.538.560.617	4.478.943.940

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.576.606.254.515	4.552.003.103.849
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.457.570.719	2.293.368.118
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		75.016.328	402.905.118
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.852.091.391	-
216	3. Phải thu dài hạn khác		1.530.463.000	1.890.463.000
220	II. Tài sản cố định		11.579.491.197	11.621.823.338
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	8.134.704.489	8.633.556.690
222	Nguyên giá		18.420.844.487	17.727.763.995
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(10.286.139.998)	(9.094.207.305)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3.444.786.708	2.988.266.648
228	Nguyên giá		5.916.845.522	4.940.150.322
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.472.058.814)	(1.951.883.674)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	30.537.027.618	28.645.758.818
231	1. Nguyên giá		31.846.891.029	30.583.450.171
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(1.309.863.411)	(1.937.691.353)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		458.427.495	458.427.495
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		458.427.495	458.427.495
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	4.382.124.449.473	4.370.450.686.185
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.005.608.239.473	3.993.934.476.185
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		376.516.210.000	376.516.210.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		147.449.288.013	138.533.039.895
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	133.746.874.713	122.961.944.516
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	12.312.413.300	14.181.095.379
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.390.000.000	1.390.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.628.918.862.535	9.695.043.580.898

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.936.006.297.989	6.427.434.413.193
310	I. Nợ ngắn hạn		2.521.479.002.270	3.203.599.231.313
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	135.900.058.538	184.458.389.485
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1.189.151.066.901	1.373.635.526.194
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	55.104.573.359	80.694.037.479
314	4. Phải trả người lao động	20	9.034.660.105	13.241.540.875
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	82.774.978.725	162.404.822.963
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	4.818.735.169	3.913.889.825
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	548.984.230.444	989.773.710.262
320	8. Vay ngắn hạn	23	465.429.988.302	377.142.139.818
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.280.710.727	18.335.174.412
330	II. Nợ dài hạn		3.414.527.295.719	3.223.835.181.880
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	-	13.634.891.918
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	1.620.547.689.785	1.340.201.662.484
338	3. Vay dài hạn	23	1.793.979.605.934	1.869.998.627.478
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.692.912.564.546	3.267.609.167.705
410	I. Vốn chủ sở hữu	24.1	3.692.912.564.546	3.267.609.167.705
411	1. Vốn cổ phần		3.425.714.120.000	3.031.926.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.425.714.120.000	3.031.926.860.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		10.867.980.806	10.867.980.806
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.500.560.000)	(2.500.560.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		29.047.617.008	21.538.709.553
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		229.783.406.732	205.776.177.346
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		229.783.406.732	205.776.177.346
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.628.918.862.535	9.695.043.580.898



Trần Thị Phương Loan
Người lập



Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Lương Trí Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	659.512.219.424	392.189.640.990
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(359.777.981.279)	(219.381.066.857)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		299.734.238.145	172.808.574.133
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	363.109.361.751	188.622.914.332
22	5. Chi phí tài chính	27	(60.503.009.846)	(14.253.505.564)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(57.498.558.583)	(14.253.505.564)
25	6. Chi phí bán hàng	28	(36.875.751.959)	(28.322.599.692)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(53.841.322.019)	(49.824.178.659)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		511.623.516.072	269.031.204.550
31	9. Thu nhập khác	29	3.313.280.543	7.659.163.490
32	10. Chi phí khác	29	(415.418.100)	(6.681.513.530)
40	11. Lợi nhuận khác	29	2.897.862.443	977.649.960
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		514.521.378.515	270.008.854.510
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(54.644.428.128)	(29.668.604.927)
52	14. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(1.868.682.079)	6.194.415.193
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		458.008.268.308	246.534.664.776



Trần Thị Phương Loan
Người lập



Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Lương Trí Thìn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		514.521.378.515	270.008.854.510
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	12, 13, 14	2.295.972.115	1.676.471.129
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(5.354.405.916)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(373.267.748.840)	(183.656.145.949)
06	Chi phí đi vay	27	60.311.626.765	14.253.505.564
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		203.861.228.555	96.928.279.338
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		37.105.280.441	(485.592.257.838)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(78.849.076.037)	14.768.190.169
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(457.786.221.039)	1.213.504.693.788
12	Tăng chi phí trả trước		(9.604.101.151)	(51.249.108.773)
14	Tiền lãi vay đã trả		(116.284.912.922)	(32.375.165.590)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(79.443.363.613)	(55.969.505.380)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.759.335.152)	(15.619.994.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(521.760.500.918)	684.395.130.820
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.669.775.692)	(4.017.210.129)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		338.988.648	854.545.454
23	Tiền chi cho vay		(107.445.932.703)	(20.131.700.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		109.218.276.154	10.644.510.334
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.658.429.968.726)	(1.397.223.826.718)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		777.358.960.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		250.993.968.669	197.343.137.203
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(629.635.483.650)	(1.212.530.543.856)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	23	209.656.879.600	986.915.478.600
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(200.201.120.842)	(202.146.485.996)
36	Tiền chi trả cổ tức	24.2	(42.275.000)	(122.588.563.475)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		9.413.483.758	662.180.429.129
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.141.982.500.810)	134.045.016.093
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.479.121.518.213	1.529.477.964.049
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	337.139.017.403	1.663.522.980.142



Trần Thị Phương Loan
Người lập



Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Lương Trí Thìn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0303104343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2007, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 14 tháng 12 năm 2009.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản và các dịch vụ khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh tại Lầu 16, Tòa nhà Center Building, Số 1, Đường Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 443 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 391).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 để ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh
- Công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
Phần mềm máy tính, trang web	3 – 6 năm

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- ▶ Nhà mẫu; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

► *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định là tổng số tiền được nhận theo hợp đồng khi đất và đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu dịch vụ môi giới bất động sản và dịch vụ khác

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	1.746.703.793	859.132.401
Tiền gửi ngân hàng	185.392.313.610	279.262.385.812
Các khoản tương đương tiền (*)	150.000.000.000	1.199.000.000.000
TỔNG CỘNG	337.139.017.403	1.479.121.518.213

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4 - 5%/ năm.

Khoản tương đương tiền trị giá 24.950.000.000 VND được dùng làm tài sản cầm cố cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 23.1).

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 6 - 7%/ năm.

Khoản tiền gửi ngân hàng trị giá 53.000.000.000 VND được dùng làm tài sản cầm cố cho khoản phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 23.3).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu từ bên khác	120.252.350.288	90.791.003.678
- Công ty TNHH Tư vấn và Kinh doanh nhà Đạt Gia	4.013.187.677	8.013.187.677
- Các khách hàng khác	116.239.162.611	82.777.816.001
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	105.542.994.963	151.704.985.281
TỔNG CỘNG	225.795.345.251	242.495.988.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - Công ty Cổ phần	73.654.878.432	24.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Du lịch Khang Hưng	25.843.043.632	25.843.043.632
Công ty TNHH Xây dựng Bình Định	11.928.914.209	1.592.347.328
Công ty Cổ phần C.T - Phương Nam	8.300.598.355	9.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ An Thiên Phú	-	9.816.978.311
Khác	20.804.781.079	35.935.790.700
TỔNG CỘNG	140.532.215.707	106.188.159.971
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)	(947.792.777)	(947.792.777)
GIÁ TRỊ THUẦN	139.584.422.930	105.240.367.194

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 31)	41.677.656.549	34.800.000.000
Trong đó:		
Ngắn hạn	38.825.565.158	34.800.000.000
Dài hạn	2.852.091.391	-
Chi tiết khoản cho vay các bên liên quan như sau:		
Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Hình thức đảm bảo
	VND	
Công ty Cổ phần Đầu tư LDG ("LDG")		
Khoản cho vay 1	20.000.000.000	Tín chấp
Khoản cho vay 2	14.800.000.000	Tín chấp
	34.800.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long		
Khoản cho vay 1	2.082.518.348	Tín chấp
Khoản cho vay 2	1.943.046.810	Tín chấp
Khoản cho vay 3	1.704.785.900	Tín chấp
Khoản cho vay 4	1.147.305.491	Tín chấp
	6.877.656.549	
TỔNG CỘNG	41.677.656.549	

Các khoản cho vay được tính theo lãi suất thị trường áp dụng cho từng khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu về góp vốn (i)	1.000.000.000.000	-
Vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HĐHTKD") (ii)	953.990.050.079	995.146.493.163
- Công ty Cổ phần Vina Holdings	171.000.000.000	175.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản LinkGroup	23.025.188.000	23.025.188.000
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	-	100.000.000.000
- Khác	15.123.193.826	-
- Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	744.841.668.253	697.121.305.163
Tạm ứng đầu tư	69.161.914.000	105.163.564.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Tín	48.600.000.000	48.600.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	29.251.650.000
- Khác	20.561.914.000	27.311.914.000
Tạm ứng nhân viên	22.167.453.597	30.174.016.311
Ký quỹ, ký cược	13.197.200.492	12.882.867.492
Phải thu lãi cho vay	3.870.470.241	1.545.625.150
Cổ tức	1.160.250.000	1.160.250.000
Khác	5.259.725.828	7.420.006.106
TỔNG CỘNG	2.068.807.064.237	1.153.492.822.222
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10)	(9.124.886.323)	(9.124.886.323)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.059.682.177.914	1.144.367.935.899
Trong đó:		
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.752.987.444.960	706.342.204.629
Phải thu bên khác	315.819.619.277	447.150.617.593
(i) Khoản này thể hiện phần vốn góp mua 100.000.000 cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh ("DXS") - công ty con - theo Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2018. Vào ngày 24 tháng 7 năm 2018, DXS đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 7 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của DXS lên 1.100.000.000.000 VND.		
(ii) Khoản này thể hiện phần vốn góp trong các HĐHTKD liên quan đến việc hợp tác thực hiện các hợp đồng phân phối độc quyền và phát triển các dự án bất động sản với các chủ đầu tư dự án.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Dự phòng các khoản đặt cọc, ký quỹ	9.124.886.323	9.124.886.323
Dự phòng trả trước cho người bán	947.792.777	947.792.777
TỔNG CỘNG	10.072.679.100	10.072.679.100

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	10.072.679.100	13.893.803.974
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(4.105.184.771)
Số cuối kỳ	10.072.679.100	9.788.619.203

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bất động sản dở dang	2.126.229.851.591	1.768.958.785.689
- Dự án Gem Riverside	1.189.648.047.189	1.098.991.356.286
- Dự án Lux Garden	492.161.585.053	264.828.437.402
- Dự án Opal Garden	351.772.429.245	246.243.340.818
- Dự án Opal Skyview	91.612.132.776	86.202.258.536
- Dự án Luxcity	-	72.187.671.780
- Dự án khác	1.035.657.328	505.720.867
Bất động sản thành phẩm	52.176.440.996	289.605.315.732
- Dự án Luxcity	33.906.757.718	-
- Dự án Opal Riverside	14.214.619.375	285.550.251.829
- Dự án Sunview 1, 2	4.055.063.903	4.055.063.903
Hàng hóa	586.210.762	962.191.780
Công cụ, dụng cụ	651.003.324	74.588.523
TỔNG CỘNG	2.179.643.506.673	2.059.600.881.724

Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với các dự án được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn ngân hàng và phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 23.2 và 23.3).

Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 48.072.668.413 VND (kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 25.001.666.665 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc xây dựng và phát triển các dự án bất động sản đang triển khai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	13.272.585.934	3.857.087.152	598.090.909	17.727.763.995
Mua trong kỳ	-	602.540.817	90.539.675	693.080.492
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>13.272.585.934</u>	<u>4.459.627.969</u>	<u>688.630.584</u>	<u>18.420.844.487</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.014.936.842	466.370.114	-	5.481.306.956
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(7.176.446.955)	(1.793.553.791)	(124.206.559)	(9.094.207.305)
Khấu hao trong kỳ	(646.456.480)	(449.212.738)	(96.263.475)	(1.191.932.693)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>(7.822.903.435)</u>	<u>(2.242.766.529)</u>	<u>(220.470.034)</u>	<u>(10.286.139.998)</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>6.096.138.979</u>	<u>2.063.533.361</u>	<u>473.884.350</u>	<u>8.633.556.690</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>5.449.682.499</u>	<u>2.216.861.440</u>	<u>468.160.550</u>	<u>8.134.704.489</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND
	Phần mềm	Trang web	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.972.249.717	657.166.005	310.734.600	4.940.150.322
Mua trong kỳ	976.695.200	-	-	976.695.200
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	4.948.944.917	657.166.005	310.734.600	5.916.845.522
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	108.851.930	385.166.005	107.434.600	601.452.535
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(1.218.824.739)	(498.561.847)	(234.497.088)	(1.951.883.674)
Hao mòn trong kỳ	(451.804.311)	(42.958.321)	(25.412.508)	(520.175.140)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	(1.670.629.050)	(541.520.168)	(259.909.596)	(2.472.058.814)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	2.753.424.978	158.604.158	76.237.512	2.988.266.648
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	3.278.315.867	115.645.837	50.825.004	3.444.786.708

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	30.583.450.171
Kết chuyển từ hàng tồn kho	6.879.119.501
Thanh lý	(5.615.678.643)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	31.846.891.029
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	(1.937.691.353)
Khấu hao trong kỳ	(583.864.282)
Thanh lý	1.211.692.224
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	(1.309.863.411)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	28.645.758.818
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	30.537.027.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.721.387.743	1.080.895.298
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	583.864.282	378.788.328

Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 32.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	4.005.608.239.473	3.993.934.476.185
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	376.516.210.000	376.516.210.000
TỔNG CỘNG	<u>4.382.124.449.473</u>	<u>4.370.450.686.185</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

(trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh)

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc đầu tư
			%	VND	%	VND
Công ty TNHH MTV Đất Xanh Hội An ("Đất Xanh Hội An")	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	100	1.000.000.000.000	100	1.000.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside ("Saigon Riverside")	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	75	712.500.000.000	75	712.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long ("Thăng Long Petrol")	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,9	573.275.645.890	99,9	573.275.645.890
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Nha Trang ("Nha Trang Petrol") (i)	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	90,83	330.019.350.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hà Thuận Hùng ("Hà Thuận Hùng") (ii)	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,89	295.740.000.000	99,89	235.740.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Viễn Đông ("Vidoland")	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,99	237.998.968.240	99,99	237.998.968.240
Công ty Cổ phần Sài Gòn Riverview ("Saigon Riverview") (iii)	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,9	228.233.732.084	99,9	187.448.297.795
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Xuân Định ("Xuân Định")	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,99	205.000.000.000	99,99	205.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicco Sài Gòn ("Vicco Saigon") (iv)	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,99	158.050.128.259	99,99	125.102.377.251
Công ty Cổ phần In Nông Nghiệp ("In Nông Nghiệp")	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,98	132.985.600.000	99,98	132.985.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh ("DXS") (trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Long Kim Phát) (v)	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	99,89	99.890.140.000	100	99.839.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng FBV ("Xây dựng FBV")	Xây dựng	Đang hoạt động	89,26	31.914.675.000	89,26	31.914.675.000
Công ty Cổ phần Đất Xanh Miền Trung ("Đất Xanh Miền Trung") (vi)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	-	-	55	155.210.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc ("Đất Xanh Miền Bắc") (vi)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	-	-	51	133.029.100.009
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Đồng ("Sài Đồng") (vii)	Kinh doanh BĐS	Đang hoạt động	-	-	70,99	126.150.812.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đất Xanh Miền Nam ("Đất Xanh Miền Nam") (vi)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	-	-	51	26.520.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Đất Xanh Đông Nam Bộ ("Đất Xanh Đông Nam Bộ") (vi)	Kinh doanh và môi giới BĐS	Đang hoạt động	-	-	51	11.220.000.000
TỔNG CỘNG				4.005.608.239.473		3.993.934.476.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 31 tháng 5 năm 2018, Công ty mua 90,83% cổ phần trong công ty Nha Trang Petrol với tổng giá mua 330.019.350.000 VND theo Nghị quyết số 39/2017/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 12 năm 2017.
- (ii) Từ ngày 2 tháng 4 năm 2018 đến ngày 12 tháng 4 năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào công ty Hà Thuận Hùng trị giá 60.000.000.000 VND theo thông báo góp vốn ngày 2 tháng 4 năm 2018.
- (iii) Từ ngày 11 tháng 1 năm 2018 đến ngày 5 tháng 6 năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào công ty Saigon Riverview trị giá 40.785.434.289 VND theo thông báo góp vốn ngày 9 tháng 1 năm 2018.
- (iv) Từ ngày 17 tháng 1 năm 2018 đến ngày 27 tháng 6 năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào công ty Vicco Saigon trị giá 32.947.751.008 VND theo thông báo góp vốn ngày 9 tháng 1 năm 2018.
- (v) Vào ngày 4 tháng 4 năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào công ty DXS trị giá 51.140.000 VND theo thông báo góp vốn ngày 26 tháng 3 năm 2018.
- (vi) Thực hiện kế hoạch tái cấu trúc mảng kinh doanh dịch vụ bất động sản của Tập đoàn theo Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2018, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại các công ty con cho công ty DXS bao gồm Đất Xanh Miền Trung, Đất Xanh Miền Bắc, Đất Xanh Miền Nam, Đất Xanh Đông Nam Bộ và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Đất Xanh Tây Nam Bộ ("Đất Xanh Tây Nam Bộ"), công ty con mới được thành lập vào ngày 26 tháng 2 năm 2018 theo Nghị quyết số 3/2018/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 1 năm 2018.
- (vii) Vào ngày 29 tháng 3 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty Sài Đồng với giá chuyển nhượng là 226.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 5/2018/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2018.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, 49.950.000 cổ phần của công ty Thăng Long Petrol thuộc sở hữu của Công ty được dùng làm tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 23.3).

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc đầu tư VND
LDG (*) Kinh doanh BĐS	43,38	<u>376.516.210.000</u>	43,38	<u>376.516.210.000</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đang nắm giữ 43,38% sở hữu trong LDG bao gồm 26,70% sở hữu trực tiếp và 16,68% sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con (Hà Thuận Hùng và DXS).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, toàn bộ số cổ phần của LDG thuộc sở hữu của Công ty được dùng làm tài sản thế chấp để phát hành trái phiếu (Thuyết minh số 23.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí hoa hồng môi giới, nhà mẫu	131.017.427.614	119.597.740.396
Công cụ, dụng cụ	2.681.886.144	2.128.747.429
Chi phí sửa chữa văn phòng	9.090.910	689.236.330
Khác	38.470.045	546.220.361
TỔNG CỘNG	133.746.874.713	122.961.944.516

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả các bên khác	125.699.107.098	172.907.977.113
- Công ty TNHH Xây dựng An Phong	25.141.061.372	80.234.306.078
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư Xây dựng	16.105.999.156	4.328.472.539
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ An Thiên Phú	16.086.131.397	-
- Công ty TNHH Xây dựng Vững Bền	11.242.916.728	11.242.916.728
- Công ty Cổ phần Bất động sản Unihomes	5.672.400.996	16.360.298.590
- Công ty TNHH Xây dựng và Xây lắp điện Thế Minh	-	11.320.733.598
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Long Phát	-	7.359.710.976
- Khác	51.450.597.449	42.061.538.604
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	10.200.951.440	11.550.412.372
TỔNG CỘNG	135.900.058.538	184.458.389.485

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền ứng trước trả theo tiến độ của các cá nhân mua căn hộ.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế giá trị gia tăng	2.964.309.823	9.883.111	(2.893.980)	2.971.298.954
Thuế TNDN	76.485.365.254	54.644.428.128	(79.443.363.613)	51.686.429.769
Thuế thu nhập cá nhân	1.244.362.402	8.689.708.056	(9.487.225.822)	446.844.636
TỔNG CỘNG	80.694.037.479	63.344.019.295	(88.933.483.415)	55.104.573.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí xây dựng dự án	72.250.823.431	127.828.603.493
Chi phí lãi vay	9.138.174.200	19.851.860.126
Chi phí phát hành trái phiếu	-	12.350.000.000
Khác	1.385.981.094	2.374.359.344
TỔNG CỘNG	<u>82.774.978.725</u>	<u>162.404.822.963</u>

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Doanh thu về phí quản lý	4.818.735.169	3.607.694.981
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	13.941.086.762
TỔNG CỘNG	<u>4.818.735.169</u>	<u>17.548.781.743</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	4.818.735.169	3.913.889.825
<i>Dài hạn</i>	-	13.634.891.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn		
Nhận góp vốn từ HĐHTKD từ bên liên quan (i)	392.194.901.913	711.500.000.000
Phải trả các khoản đầu tư	49.747.129.956	176.675.918.105
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	45.948.619.051	46.726.595.200
- Đất Xanh Miền Bắc (Thuyết minh số 31)	-	126.150.812.000
- Khác	3.798.510.905	3.798.510.905
Thu hộ phí bảo trì các dự án	50.526.558.208	40.525.962.586
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.147.818.200	22.818.200
Thu hộ tiền cho chủ đầu tư dự án	9.799.457.178	53.254.117.871
Đặt cọc khách hàng cá nhân mua căn hộ	4.450.687.336	4.410.687.336
Cổ tức phải trả	113.843.825	156.118.825
Khác	4.003.833.828	3.228.087.339
	<u>548.984.230.444</u>	<u>989.773.710.262</u>
Dài hạn		
Nhận góp vốn từ HĐHTKD từ bên liên quan (i)	1.612.127.785.523	1.331.500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.419.904.262	8.701.662.484
	<u>1.620.547.689.785</u>	<u>1.340.201.662.484</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.169.531.920.229</u>	<u>2.329.975.372.746</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.014.757.653.614	2.222.156.154.280
Phải trả bên khác	154.774.266.615	107.819.218.466

- (i) Khoản này thể hiện phần vốn góp đã nhận trong HĐHTKD liên quan đến việc hợp tác tìm kiếm, đàm phán và thực hiện phương án kinh doanh bất động sản dưới hình thức độc quyền phân phối và bao tiêu sản phẩm. Theo đó, Công ty sẽ được hưởng 50% lợi nhuận sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ngắn hạn	465.429.988.302	377.142.139.818
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.1)	307.765.808.850	272.032.686.850
Vay dài hạn đến hạn trả	157.664.179.452	105.109.452.968
Dài hạn	1.793.979.605.934	1.869.998.627.478
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 23.2)	512.408.583.206	591.240.672.932
Trái phiếu (Thuyết minh số 23.3)	1.281.571.022.728	1.278.757.954.546
TỔNG CỘNG	<u>2.259.409.594.236</u>	<u>2.247.140.767.296</u>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Số đầu kỳ	2.247.140.767.296	647.830.456.825
Vay trong kỳ	209.656.879.600	996.915.478.600
Trả nợ gốc vay	(200.201.120.842)	(202.146.485.996)
Chi phí phát hành trái phiếu	-	(10.000.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.813.068.182	-
Số cuối kỳ	<u>2.259.409.594.236</u>	<u>1.432.599.449.429</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------------------------	----------------	--------------	----------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

Khoản vay 1	200.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 5 năm 2019	Bổ sung vốn lưu động	Khoản phải thu từ HĐHTKD ngày 9 tháng 3 năm 2018 trị giá 109.155.000.000 VND
-------------	-----------------	---	----------------------	---

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 2

Khoản vay 1	75.011.447.450	Từ ngày 22 tháng 8 năm 2018 đến ngày 28 tháng 11 năm 2018	Bổ sung vốn lưu động	Khoản tiền gửi trị giá 20.000.000.000 VND
-------------	----------------	---	----------------------	---

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn

Khoản vay 1	32.754.361.400	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Bổ sung vốn lưu động	Khoản tiền gửi trị giá 4.950.000.000 VND
-------------	----------------	--	----------------------	---

TỔNG CỘNG **307.765.808.850**

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được tính theo lãi suất thị trường áp dụng của từng ngân hàng thương mại.

23.2 Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------------------------	----------------	--------------	----------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm

Khoản vay 1	<u>670.072.762.658</u>	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2018 đến ngày 25 tháng 9 năm 2022	Thanh toán chi phí thực hiện dự án	Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với dự án được tài trợ
-------------	------------------------	--	------------------------------------	---

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	157.664.179.452
Vay dài hạn	512.408.583.206

Các khoản vay dài hạn ngân hàng được tính theo lãi suất thị trường áp dụng của từng ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Trái phiếu

Chi tiết các khoản trái phiếu được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	(VND)			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong				
Ngày phát hành 22 tháng 12 năm 2017	500.000.000.000	4 năm	Bổ sung vốn lưu động	4 quyền sử dụng đất tại phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Saigon Riverview; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc sở hữu của Vicco Saigon; Toàn bộ số cổ phần phổ thông LDG thuộc sở hữu của Công ty và các công ty con
Chi phí phát hành trái phiếu	(12.404.545.454)			
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.550.568.182			
	<u>489.146.022.728</u>			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng				
Ngày phát hành 24 tháng 4 năm 2017	400.000.000.000	3 năm	Tài trợ các dự án đang triển khai	Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với dự án được tài trợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam				
Ngày phát hành 30 tháng 6 năm 2017	400.000.000.000	4 năm	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với dự án của Thăng Long Petrol; Khoản tiền gửi trị giá 53.000.000.000 VND; Khoản tiền gửi trị giá 147.494.400.000 VND của Thăng Long Petrol; 49.950.000 cổ phần phổ thông Thăng Long Petrol
Chi phí phát hành trái phiếu	(10.100.000.000)			
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.525.000.000			
	<u>392.425.000.000</u>			
TỔNG CỘNG	<u>1.281.571.022.728</u>			

Khoản trái phiếu được tính theo lãi suất thị trường áp dụng theo Hợp đồng đặt mua trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.530.490.680.000	10.867.980.806	(580.000.000)	21.538.709.553	321.959.695.083	2.884.277.065.442
Cổ tức bằng cổ phiếu	328.622.910.000	-	-	-	(328.622.910.000)	-
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(126.399.506.000)	(126.399.506.000)
Thu hồi cổ phiếu đã phát hành theo Chương trình lựa chọn cho người lao động	-	-	(1.920.560.000)	-	1.920.560.000	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	246.534.664.776	246.534.664.776
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(27.728.847.452)	(27.728.847.452)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.859.113.590.000</u>	<u>10.867.980.806</u>	<u>(2.500.560.000)</u>	<u>21.538.709.553</u>	<u>87.663.656.407</u>	<u>2.976.683.376.766</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.031.926.860.000	10.867.980.806	(2.500.560.000)	21.538.709.553	205.776.177.346	3.267.609.167.705
Cổ tức bằng cổ phiếu (*)	393.787.260.000	-	-	-	(393.787.260.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	458.008.268.308	458.008.268.308
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.508.907.455	(7.508.907.455)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(32.704.871.467)	(32.704.871.467)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>3.425.714.120.000</u>	<u>10.867.980.806</u>	<u>(2.500.560.000)</u>	<u>29.047.617.008</u>	<u>229.783.406.732</u>	<u>3.692.912.564.546</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Vào ngày 31 tháng 5 năm 2018, Công ty đã phát hành 39.378.726 cổ phiếu thường để trả cổ tức 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 1 tháng 3 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 6/2018/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Vào ngày 21 tháng 6 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 19 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 3.425.714.120.000 VND.

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	3.031.926.860.000	2.530.490.680.000
Cổ tức bằng cổ phiếu	393.787.260.000	328.622.910.000
Số cuối kỳ	<u>3.425.714.120.000</u>	<u>2.859.113.590.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố	393.787.260.000	328.622.910.000
Cổ tức công bố	-	126.399.506.000
Cổ tức đã trả	42.275.000	122.588.563.475

24.3 Cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	342.571.412	303.192.686
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	342.571.412	303.192.686
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(250.056)	(250.056)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	342.321.356	302.942.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Doanh thu từ bán căn hộ và đất nền	573.175.380.556	344.295.575.471
Doanh thu dịch vụ bất động sản	64.940.824.772	43.053.650.625
Doanh thu từ bán bất động sản đầu tư	14.562.373.508	-
Doanh thu từ dịch vụ quản lý, cho thuê	6.833.640.588	4.840.414.894
TỔNG CỘNG	<u>659.512.219.424</u>	<u>392.189.640.990</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	<i>583.388.777.760</i>	<i>348.169.579.632</i>
<i>Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>76.123.441.664</i>	<i>44.020.061.358</i>

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Cổ tức nhận được	233.630.000.000	162.143.250.000
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	109.790.547.991	-
Thu nhập từ lãi cho vay, lãi tiền gửi	19.688.813.760	26.479.664.332
TỔNG CỘNG	<u>363.109.361.751</u>	<u>188.622.914.332</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Giá vốn bán căn hộ và đất nền	348.780.137.286	209.240.112.384
Giá vốn dịch vụ bất động sản	1.101.355.099	3.798.892.473
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	4.403.986.419	-
Giá vốn dịch vụ quản lý, cho thuê	5.492.502.475	6.342.062.000
TỔNG CỘNG	<u>359.777.981.279</u>	<u>219.381.066.857</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí lãi vay	57.498.558.583	14.253.505.564
Chi phí phát hành trái phiếu	2.813.068.182	-
Khác	191.383.081	-
TỔNG CỘNG	<u>60.503.009.846</u>	<u>14.253.505.564</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí bán hàng	36.875.751.959	28.322.599.692
- Chi phí môi giới	14.274.491.041	8.524.793.703
- Chi phí lương	11.019.301.015	12.524.981.281
- Chi phí quảng cáo	9.143.294.939	5.101.973.494
- Chi phí khấu hao và hao mòn	376.409.968	300.448.262
- Chi phí khác	2.062.254.996	1.870.402.952
Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.841.322.019	49.824.178.659
- Chi phí lương	33.623.646.769	32.218.156.682
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.848.005.600	10.545.352.093
- Chi phí khấu hao và hao mòn	1.335.697.865	996.561.812
- Hoàn nhập dự phòng	-	(4.105.184.771)
- Chi phí khác	7.033.971.785	10.169.292.843
TỔNG CỘNG	<u>90.717.073.978</u>	<u>78.146.778.351</u>

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thu nhập khác	3.313.280.543	7.659.163.490
- Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	2.371.057.253	6.566.987.562
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	691.187.314
- Khác	942.223.290	400.988.614
Chi phí khác	415.418.100	6.681.513.530
- Chi phí phạt chậm nộp	147.736.409	47.750.000
- Chi phí phạt thanh lý hợp đồng	-	3.779.400.000
- Khác	267.681.691	2.854.363.530
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>2.897.862.443</u>	<u>977.649.960</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.636.161.185	29.225.364.074
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	8.266.943	443.240.853
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.868.682.079	(6.194.415.193)
TỔNG CỘNG	<u>56.513.110.207</u>	<u>23.474.189.734</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>514.521.378.515</u>	<u>270.008.854.510</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	102.904.275.703	54.001.770.902
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(46.726.000.000)	(32.428.650.000)
Chi phí không được trừ	154.577.828	1.188.305.397
Lỗi thuế trong kỳ của chi nhánh chưa ghi nhận thuế hoãn lại	171.989.733	269.522.582
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	8.266.943	443.240.853
Chi phí thuế TNDN	<u>56.513.110.207</u>	<u>23.474.189.734</u>

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
Thuế TNDN đã nộp từ các khoản tiền thanh toán theo tiến độ của khách hàng (*)	12.011.135.179	13.704.277.610	(1.693.142.431)	6.318.999.028
Chi phí phải trả	301.278.121	476.817.769	(175.539.648)	(124.583.835)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.312.413.300	14.181.095.379		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			(1.868.682.079)	6.194.415.193

(*) Đây là khoản tạm nộp thuế được tính bằng 1% của các khoản tiền nhận được từ khách hàng mua bất động sản theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 2 tháng 8 năm 2014.

30.4 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
Các chênh lệch tạm thời	
Lỗi chuyển sang các năm sau của chi nhánh Hà Nội	6.006.606.745
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	1.979.066.323
TỔNG CỘNG	7.985.673.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND			
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017		
DXS	Công ty con	Góp vốn	1.000.051.140.000	-		
		Nhận vốn góp theo HĐHTKD	282.196.000.246	-		
		Doanh thu chuyển nhượng Đất Xanh Miền Trung	236.124.900.000	-		
		Doanh thu chuyển nhượng Đất Xanh Miền Bắc	200.537.100.000	-		
		Cho vay	99.118.276.154	-		
		Doanh thu chuyển nhượng Đất Xanh Miền Nam	79.634.460.000	-		
		Doanh thu chuyển nhượng Đất Xanh Đông Nam Bộ	33.022.500.000	-		
		Cổ tức	9.000.000.000	33.500.000.000		
		Doanh thu dịch vụ BĐS	2.164.717.457	1.703.712.428		
		Doanh thu chuyển nhượng Đất Xanh Tây Nam Bộ	2.040.000.000	-		
		Lãi cho vay	262.011.639	-		
		Đất Xanh Miền Trung	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	169.112.516.000	120.417.343.440
				Cổ tức	80.300.000.000	77.605.000.000
Góp vốn	76.285.000.000			73.700.000.000		
Doanh thu dịch vụ BĐS	2.210.514.411			8.965.754.417		
Phí thương hiệu	-			30.000.000		
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	108.388.788.000	121.341.447.000		
		Cổ tức	66.300.000.000	44.051.250.000		
		Góp vốn	62.985.000.000	41.820.000.000		
		Doanh thu dịch vụ BĐS	39.943.485.810	23.397.057.579		
		Phí thương hiệu	-	30.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Đất Xanh Miền Nam	Công ty con	Cổ tức	55.080.000.000	-
		Góp vốn	52.326.000.000	-
		Doanh thu dịch vụ BĐS	19.730.173.518	866.708.542
		Nhận vốn góp theo HĐHTKD	7.366.596.913	-
		Nhận ký quỹ	5.360.000.000	-
		Vốn góp theo HĐHTKD	-	50.146.000.000
		Phí dịch vụ	-	11.067.328.188
		Phí thương hiệu	-	30.000.000
Hà Thuận Hùng	Công ty con	Góp vốn	60.000.000.000	-
		Doanh thu dịch vụ BĐS	45.828.745	-
Saigon Riverview	Công ty con	Góp vốn	40.785.434.289	-
Vicco Saigon	Công ty con	Góp vốn	32.947.751.008	31.454.368.218
Đất Xanh Nha Trang	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	26.347.910.400	11.438.323.000
		Doanh thu dịch vụ BĐS	203.385.110	2.532.912.457
Đất Xanh Đông Nam Bộ	Công ty con	Cổ tức	22.950.000.000	6.987.000.000
		Góp vốn	21.802.500.000	6.630.000.000
		Vốn góp theo HĐHTKD	15.343.364.000	21.000.000.000
		Doanh thu dịch vụ BĐS	-	6.302.470.173
		Chi hộ	-	720.000.000
Xây dựng FBV	Công ty con	Phí thương hiệu	-	30.000.000
		Doanh thu bán bất động sản đầu tư	11.825.336.613	-
		Ứng trước bên bán	-	8.300.000.000
Thăng Long Petrol	Công ty con	Dịch vụ cho thuê văn phòng	-	131.445.762
		Cho vay	6.877.656.549	-
Đất Xanh Tây Nam Bộ	Công ty con	Lãi từ cho vay	260.458.601	-
		Góp vốn	2.040.000.000	-
LDG	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay	1.933.000.001	389.097.222
		Cho vay	-	20.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Saigon Riverside	Công ty con	Góp vốn	-	712.500.000.000
Vidoland	Công ty con	Cho vay	-	131.700.000
		Lãi từ cho vay	-	768.250

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Đất Xanh Miền Nam	Công ty con	Doanh thu dịch vụ BĐS	50.930.202.209	29.276.834.102
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Doanh thu dịch vụ BĐS	40.175.567.106	97.557.890.740
Đất Xanh Đông Nam Bộ	Công ty con	Doanh thu dịch vụ BĐS	11.306.027.352	11.402.554.086
Đất Xanh Miền Trung	Công ty con	Doanh thu dịch vụ BĐS	2.431.565.852	12.484.691.998
Đất Xanh Nha Trang	Công ty con	Doanh thu dịch vụ BĐS	626.125.954	402.402.333
Ông Lương Trí Tú	Cổ đồng	Doanh thu bán căn hộ	73.506.490	73.506.490
DXS	Công ty con	Doanh thu dịch vụ BĐS	-	507.105.532
			105.542.994.963	151.704.985.281
Phải thu về cho vay				
LDG	Công ty liên kết	Cho vay	34.800.000.000	34.800.000.000
Thăng Long Petrol	Công ty con	Cho vay	6.877.656.549	-
			41.677.656.549	34.800.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải thu ngắn hạn khác				
DXS	Công ty con	Vốn góp	1.000.000.000.000	-
		Lãi cho vay	262.011.639	-
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	397.062.623.025	400.550.323.000
		Cổ tức	1.160.250.000	1.160.250.000
Đất Xanh Miền Trung	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	161.604.386.400	152.087.597.735
Đất Xanh Miền Nam	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	123.483.384.428	123.483.384.428
Đất Xanh Đông Nam Bộ	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	36.343.364.000	21.000.000.000
Đất Xanh Nha Trang	Công ty con	Vốn góp theo HĐHTKD	26.347.910.400	-
LDG	Công ty liên kết	Lãi cho vay Khác	3.348.000.001	1.415.000.000
			-	60.000.000
Ông Lương Trí Tú	Cổ đông	Tạm ứng	2.627.133.866	3.011.726.866
Ông Trần Công Luận	Phó Tổng Giám đốc ("PTGD")	Tạm ứng	485.000.000	2.145.000.000
Thăng Long Petrol	Công ty con	Lãi cho vay	260.458.601	-
Ông Nguyễn Khánh Hưng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HDQT")	Tạm ứng	2.922.600	1.428.922.600
			1.752.987.444.960	706.342.204.629
Phải trả người bán ngắn hạn				
Xây dựng FBV	Công ty con	Dịch vụ xây dựng	8.927.629.724	10.277.090.656
Đất Xanh Đông Nam Bộ	Công ty con	Dịch vụ	1.273.321.716	1.273.321.716
			10.200.951.440	11.550.412.372

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Phải trả khác				
Đất Xanh Hội An	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	997.000.000.000	997.000.000.000
Saigon Riverside	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	384.828.305.000	711.500.000.000
DXS	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	282.196.000.246	-
		Thu hộ tiền dự án	3.649.719.393	51.117.576.503
Xuân Định	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	132.000.000.000	132.000.000.000
Vidoland	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	125.431.785.277	127.000.000.000
In Nông Nghiệp	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	75.500.000.000	75.500.000.000
Đất Xanh Miền Nam	Công ty con	Vốn nhận từ HĐHTKD	7.366.596.913	-
		Thu hộ tiền dự án	417.147.545	417.147.545
Hà Thuận Hùng	Công ty con	Thu hộ tiền dự án	5.732.590.240	808.127.552
Đất Xanh Miền Bắc	Công ty con	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	126.150.812.000
Ông Lương Trí Thảo	Thành viên HĐQT	Khác	552.459.000	552.459.000
Ông Lương Trí Thìn	Chủ tịch HĐQT	Khác	42.000.000	42.000.000
Ông Lương Trí Tú	Cổ đông	Khác	41.050.000	68.031.680
			<u>2.014.757.653.614</u>	<u>2.222.156.154.280</u>

Các giao dịch khác với các bên liên quan

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Lương và thưởng	<u>6.894.008.222</u>	<u>3.449.468.095</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

32. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết theo hợp đồng cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến 1 năm	3.705.586.650	2.743.734.865
Trên 1 đến 5 năm	14.506.833.740	11.108.499.611
Trên 5 năm	84.754.000.863	84.754.000.863
TỔNG CỘNG	102.966.421.253	98.606.235.339

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến 1 năm	5.746.212.000	3.698.106.000
Trên 1 đến 5 năm	1.006.020.000	684.000.000
TỔNG CỘNG	6.752.232.000	4.382.106.000

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Phương Loan
Người lập



Trần Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Lương Trí Thìn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018